TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HN – ST.
Ngày 29/5/2018.
Về việc "Ly hôn" .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không có tham gia.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2018/TB-TĐTGMPT ngày 18/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm 1976

HKTT: Ấp 15, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp DC, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Văn P, sinh năm: 1974

HKTT: Ấp 15, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp VX, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 07/7/2017, bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngày 16/3/2018, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày*: Chị và anh Phạm Văn P

chung sống với nhau vào năm 1997 và không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, chị và anh P có tìm hiểu nhau trước rồi mới tổ chức đám cưới, cả hai đến với nhau là tự nguyện không ai cưỡng ép. Sau khi cưới, chị và anh Phấn về sống cùng gia đình anh P tại ấp VX, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thời gian hơn 01 năm cả hai mới ở riêng. Sau khi cả hai về chung sống, chính quyền địa phương có đến nhà để vận động anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn nhưng anh chị lo làm ăn ngày này qua ngày khác nên anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống giữa chị và anh P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi nhậu với bạn bè rồi về nhà đập phá đồ đạc và đánh đập vợ con. Chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh P vẫn không nghe, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi và luôn bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh P sống ly thân hơn 01 năm nay. Sau khi ly thân, chị H về nhà cha mẹ ruột chị ở, còn anh P vẫn ở ấp VX.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh P có 01 con chung tên là Phạm Thị Huỳnh T, sinh ngày 12/5/1999, giới tính nữ, hiện nay cháu T đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Trong thời gian chung sống, chị và anh P không tạo lập được tài sản chung gì.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ chị và anh P.

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu:

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn P.

- *Về con chung*: Hiện nay cháu T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H xác nhận là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 16/3/2018, bị đơn anh Phạm Văn Phấn trình bày*: Anh P xác nhận, lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung hiện nay đã trưởng thành, không có tài sản chung, không có nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân giữa anh và chị H là đúng.

Nhưng trong thời gian ly thân, anh P có tới lui thăm vợ con và hiện nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Nếu chị H cương quyết ly hôn và Tòa án xem xét cho chị H được ly hôn thì anh P không yêu cầu gì đối với con chung (do con đã trưởng thành và có gia đình riêng) và không yêu cầu gì đối với tài sản chung và nợ chung của anh và chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Phạm Văn P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng tại phiên tòa anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt anh Phạm Văn P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Mai Thị H và anh Phạm Văn P chung sống với nhau từ năm 1997, mặc dù anh chị có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã, phường, thị trấn của một trong hai người cư trú). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 quy định: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 1 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; Trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*".

Đến khi Luật hôn nhân gia đình năm 2000 có hiệu lực và cho đến khi chị H có đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn đối với anh P thì anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Như vậy là vi phạm Điều 11 Luật HNGĐ năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 (*nay là Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*) mặc dù chị H và anh P chung sống trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Nay chị H có yêu cầu ly hôn đối với anh P và Tòa án thụ lý vụ kiện nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị H và anh Phạm Văn P. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký được kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...".*

[3] *Về con chung:* Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị H xác định trong thời gian chị và anh P chung sống có 01 con chung tên là Phạm Thị Huỳnh T, sinh

ngày 12/5/1999, hiện nay cháu T đã trưởng thành và có gia đình riêng do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh Phấn xác nhận không có nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn chị Mai Thị H phải chịu án phí số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

[6] *Quyền kháng cáo*: Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng anh Phạm Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Mai Thị H và anh Phạm Văn P là vợ chồng.

2. Về án phí HNST: Buộc chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo lai thu số 0008557 ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị H không phải nộp thêm.

4. Quyền kháng cáo: Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Ngày 29/5/2018).

Riêng anh Phạm Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã ĐHB;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Cẩm Lình